

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn ; www.bentrepc.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Ngày 23 tháng 4 năm 2019



DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Danh mục tài liệu.
2. Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
3. Quy chế làm việc tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
4. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.
5. Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2018 - Kế hoạch hoạt động năm 2019.
6. Báo cáo của BKS về Kết quả thực hiện năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 (tóm tắt kết quả Kiểm toán).
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.
9. Báo cáo vấn đề khác
10. Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
11. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
12. Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
Website: www.congtrinhdothibentre.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Bắt đầu lúc 13h30 ngày 23 tháng 04 năm 2019)

Thời gian	Nội dung
13h00 - 13h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự.
13h30 - 13h45	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tịch đoàn.- Chủ tọa giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết.- Chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.- Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội.
13h45 - 14h45	<ul style="list-style-type: none">- Các vấn đề thông qua tại Đại hội:- Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh năm 2019.- Báo cáo của HĐQT về Kết quả thực hiện năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.- Báo cáo của Ban KS về kết quả thực hiện năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.- Báo cáo tài chính năm 2018 (đã kiểm toán).- Báo cáo vấn đề khác.- Các Tờ trình:<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.- Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019.- Tờ trình Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
14h45 - 15h45	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận, góp ý kiến cho các nội dung trên và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
15h45 - 16h00	<ul style="list-style-type: none">- Nghỉ giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc
16h00 - 16h30	<ul style="list-style-type: none">- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
16h30 - 17h00	<ul style="list-style-type: none">- Thư ký trình bày Biên bản Đại hội.- Chủ tọa trình bày Nghị quyết Đại hội.- Đại hội biểu quyết thông qua.- Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
Website: www.congtrinhdothibentre.vn

DƯ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2019

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm 2019 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Quy chế làm việc Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 04/04/2019 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận uỷ quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:
Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - c. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; Báo cáo vấn đề khác và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.
- 2. Cách thức biểu quyết:
 - Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- 3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 04/04/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 3.600.000 cổ phần tương đương với 3.600.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 27/BC-CTĐT

Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Tình hình chung:

Năm 2018 hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty vẫn chịu sự tác động của tình hình khó khăn chung của tỉnh và cả nước. Các lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo phương thức đặt hàng, đồng thời tiếp tục bị cắt giảm giá trị do ngân sách khó khăn, một số công trình chậm thanh toán vốn. Những tháng đầu năm bãi rác Phú Hưng quá tải đã làm tăng chi phí cho việc di dời, tạo ô chôn lấp và xử lý ô nhiễm. Đặc biệt kể từ ngày 01/01/2018 Công ty đã tiếp nhận công tác thu gom rác thủ công trong các ngõ hẻm trên địa bàn Thành phố Bến Tre (lao động, phương tiện, bộ thu ...) bước đầu gặp rất nhiều khó khăn, ... đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm.

Với bề dày kinh nghiệm trong ngành dịch vụ công ích, cùng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền từ Thành phố đến Tỉnh cũng như nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các đơn đặt hàng địa bàn Thành phố Bến Tre và các hợp đồng với các Chủ đầu tư luôn được Công ty hoàn thành đúng hạn, chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích ngày càng nâng cao, được các khách hàng tin cậy, dư luận đánh giá cao.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2018:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (*)	Năm 2018			
				KH	TH	%/2017	%/KH
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	69.250,00	70.000,00	79.966,29	115,47	114,24
	- Doanh thu các công trình	"	20.916,00	16.800,00	19.064,31	91,15	113,48
	- Doanh thu dịch vụ công ích	"	47.908,00	53.000,00	60.599,38	126,49	114,34
	- Doanh thu khác	"	426,00	200,00	302,60	71,03	151,30
2	Lao động & thu nhập						
	Lao động bình quân	Người	176,00	181,00	187,50	106,53	103,59
	Thu nhập bình quân	Tr đồng	7.236,00	7,25	7,40	0,10	102,04
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	8.237,00	8.365,00	10.635,33	129,12	127,14
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	810,43	1.731,56	605,61	74,73	34,97
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	7.426,79	6.633,44	10.029,72	135,05	151,20
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	1.671,00	1.201,29	2.267,00	135,67	188,71
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/(VĐL)	%	13,62	12,01	18,49	135,76	153,96



Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (*)	Năm 2018			
				KH	TH	%/2017	%/KH
8	Chia cổ tức/(VĐL)	%	10,50	11,00	12,00	114,29	109,09
9	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL)	%	3,12	1,01	6,49	208,01	642,57
10	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL) (luỹ kế)	%	3,25	4,26	9,74	299,69	228,64

(*) Kết quả SXKD 2017 đã được điều chỉnh do thực hiện ưu đãi thuế TNDN hoạt động vệ sinh đô thị theo Công văn số 697/CT-TTHT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Bến Tre.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017		Chênh lệch
			sau điều chỉnh	trước điều chỉnh	
1	Nộp ngân sách	Tr đồng	810,43	1.721,61	-911,18
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	7.426,79	6.515,61	911,18
3	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	1.671,00	1.456,00	215,00
4	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/ (VĐL)	%	13,62	11,85	1,77
5	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL)	%	3,12	1,35	1,77

Kết quả kinh doanh nêu trên bị tác động bởi một số điểm thuận lợi và khó khăn sau:

❖ Thuận lợi

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre, cùng các Sở Ban Ngành Tỉnh và các Phòng Ban thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi giúp cho Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao trong năm 2018.

Cán bộ công nhân viên và tập thể người lao động công ty luôn đoàn kết, gắn bó, phối hợp chặt chẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ban lãnh đạo theo sát tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, kịp thời phát hiện sai sót, đưa ra phương hướng giải quyết hợp lý và hiệu quả.

Ban lãnh đạo công ty tăng cường mối quan hệ với các đơn vị, mở rộng thị trường hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

Đội ngũ CNVC-LĐ có ý thức trách nhiệm cao, phấn đấu nâng cao tay nghề, đóng góp nhiều sáng kiến nhằm đem lại năng suất lao động cao.

Duy trì được khách hàng, địa bàn hoạt động truyền thống từ đó ổn định doanh thu, nâng cao uy tín và vị thế của Công ty trong ngành.

❖ Khó khăn

Nguồn vốn Công ty còn nhiều hạn chế nên chưa thể đầu tư đổi mới trang thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu, hết niên hạn sử dụng.

Đơn giá, khối lượng thực hiện các dịch vụ công ích của Công ty phải thực hiện theo quy định của nhà nước (đơn giá, định mức điều chỉnh giảm), đồng thời ngân sách của các địa



phương dành cho công tác kiến thiết thị chính ngày càng thu hẹp điều đó ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của công ty.

Ý thức người dân chưa cao, vẫn còn tình trạng làm hư hỏng kết cấu hạ tầng đô thị, vứt rác bừa bãi.

Tình trạng quá tải của bãi rác Phú Hưng gây ô nhiễm môi trường cục bộ, làm gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn, mức độ cạnh tranh cao, rủi ro lớn.... Trên địa bàn có nhiều đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh mở ra ngành nghề kinh doanh cạnh tranh với công ty.

3. Kết quả hoạt động năm 2018:

3.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Công ty đã dần hoạt động ổn định theo mô hình Công ty cổ phần. Các kế hoạch cho từng lĩnh vực kinh doanh được triển khai hợp lý và có hiệu quả, mang lại doanh thu cao cho Công ty. Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt việc điều phối lao động, tránh lãng phí nguồn nhân lực cũng như một số chi phí không cần thiết, tập trung phát huy các thế mạnh có sẵn để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích, đẩy mạnh mở rộng địa bàn hoạt động xuống các huyện trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, việc phát triển sang lĩnh vực xây dựng dân dụng góp phần nâng cao vị thế Công ty tại địa bàn tỉnh Bến Tre và củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác. Ngoài việc đem lại những lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty còn đồng hành cùng với địa phương nhằm chung tay xây dựng Thành phố Bến Tre sớm trở thành đô thị loại II trước năm 2020.

3.2. Công tác tài chính:

Bộ phận kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện cơ bản chức năng nhiệm vụ, kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán - tài chính kịp thời, chặt chẽ, chính xác. Báo cáo tài chính đã cung cấp đầy đủ các thông tin và phản ánh trung thực về hoạt động của các bộ phận nói riêng và của Công ty nói chung. Các khoản phải thu, phải trả, tài sản, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính.

3.3. Công tác nhân sự:

Công tác nhân sự của Công ty luôn ổn định, đội ngũ nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ nhằm đáp ứng tiến độ sản xuất, kinh doanh.

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2018 của công ty là 186 người, tiền lương bình quân của CNVC-LĐ là 7,325 triệu đồng/người/tháng.

Các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi cho CNVC-LĐ đều được thực hiện theo quy định hiện hành và chính sách chung của công ty, đảm bảo đời sống cho CNVC-LĐ yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019:

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	
				Giá trị	%/2018
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	79.966,29	71.750,00	89,73
	- Doanh thu các công trình	"	19.064,31	14.300,00	75,01
	- Doanh thu dịch vụ công ích	"	60.599,38	57.250,00	94,47
	- Doanh thu khác	"	302,60	200,00	66,09
2	Lao động & thu nhập				
	Lao động bình quân	Người	187,50	190,00	101,33
	Thu nhập bình quân	Tr đồng	7,40	7,50	101,38
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	10.635,33	8.574,13	80,62
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	605,61	1.186,18	195,87
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	10.029,72	7.387,95	73,66
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	2.267,00	1.653,53	72,94
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/(VĐL)	%	18,49	13,46	72,80
8	Chia cổ tức /(VĐL)	%	12,00	12,00	100,00
9	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL)	%	6,49	1,46	22,50
10	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL) (lũy kế)	%	9,74	11,20	114,99

2. Một số giải pháp thực hiện:**2.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2019 là năm đầu tiên áp dụng hình thức đấu thầu các mảng dịch vụ công ích trên địa bàn, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh về nhân sự quản lý, lao động có tay nghề, máy móc thiết bị.....đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Ưu tiên tập trung các nguồn lực (tài chính, con người) đầu tư mua sắm các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích đồng thời mở rộng hoạt động thi công xây dựng dân dụng và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Từng bước thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp thích ứng với môi trường hoạt động mới, nâng cao nhận thức về công tác quản lý cho các Phòng, Đội chuyên môn đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động trong và ngoài tỉnh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Hoàn thành những đơn đặt hàng và hợp đồng với các Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng sản phẩm và thời gian theo quy định.

Ổn định, từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre (Công ty con).

2.2. Công tác tài chính:



Tổ chức ghi nhận và hạch toán báo cáo tài chính rõ ràng, minh bạch và đúng quy định. Thực hiện cân đối, hợp nhất báo cáo tài chính phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế tại Công ty.

2.3. Công tác nhân sự:

Mức lương bình quân của Công ty đã được nâng cao theo kế hoạch đã đề ra, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các chính sách lương, thưởng nhằm tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và yên tâm công tác.

Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, tiếp cận với thị trường, xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức quản lý ngày càng chuyên nghiệp hơn, ngang tầm với bước phát triển của công ty.

Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn, đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong điều kiện sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018; phương hướng hoạt động năm 2019 của Ban Tổng Giám đốc xin thông qua trước Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ TRUNG KIÊN



Số: 22/BC-HĐQT

Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả thực hiện năm 2018 – Kế hoạch hoạt động năm 2019

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 04 cuộc họp (từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018). Cụ thể như sau:

Thời gian	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1/ Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	4	100%	
2/ Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	4	100%	
3/ Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	4	100%	
4/ Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	4	100%	
5/ Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	4	100%	

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
1	23/NQ-HĐQT	15/03/2018	Tạm ứng cổ tức năm 2017
2	24/NQ-ĐHĐCĐ	19/06/2018	Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre
3	25/NQ-HĐQT	03/12/2018	Chấp thuận hợp đồng giao dịch có liên quan (đầu tư, mua mới 02 xe ép rác với Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa)
4	26/NQ-HĐQT	26/12/2018	Tạm ứng cổ tức năm 2018
5	29/QĐ-HĐQT	17/01/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
6	30/QĐ-HĐQT	16/03/2018	Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017
7	31/QĐ-HĐQT	23/06/2018	Tổ chức lại bộ máy quản lý Công ty
8	32/QĐ-HĐQT	25/06/2018	Sửa đổi Quy chế trả lương, phân phối tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi cho người quản lý Công ty
9	33/QĐ-HĐQT	24/08/2018	Giao kế hoạch sản xuất – kinh doanh cho Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre
10	34/QĐ-HĐQT	25/08/2018	Giao kế hoạch sản xuất – kinh doanh cho Công ty TNHH 1 thành viên Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre



2. Kế hoạch hoạt động:

- Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn Nhà nước (lần 2) với tỷ lệ 24% VDL theo Quyết định số 1232/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị Công ty phù hợp với loại hình công ty cổ phần vốn góp Nhà nước không còn chi phối.

- Xác định chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với người lao động và với cộng đồng, chú trọng thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

- Song song với việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, quan tâm xây dựng phát triển thương hiệu; tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty con phát triển các mặt hoạt động theo đúng mục tiêu thành lập. Hội đồng quản trị tiếp tục tập trung vào công tác quản trị nhân sự, tăng cường giám sát, chỉ đạo sâu sát các hoạt động đầu tư, quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý và kiểm soát nội bộ.

- Thường xuyên giám sát và kịp thời hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục đổi mới phương thức quản lý và hình thức trả lương nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích, bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2019. Định hướng phát triển đa ngành nghề; trong đó, tập trung chủ yếu cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích truyền thống, mở rộng hoạt động kinh doanh chuyên ngành xây dựng dân dụng và các dịch vụ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

- Hoàn chỉnh, ban hành Quy chế quản lý nội bộ để xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của từng chức danh, vị trí công tác; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận chuyên môn (Phòng, Đội, Xí nghiệp...); quy định quy trình phối hợp công tác hợp lý, yêu cầu về chất lượng và trách nhiệm xử lý công việc chung rõ ràng, cụ thể; thưởng phạt nghiêm minh, bảo đảm đồng bộ, kịp thời và hiệu quả.

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá và thực hiện đánh giá hàng năm đối với kết quả hoạt động của tất cả thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý, điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm. Tổng hợp số liệu, chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện các mặt hoạt động giai đoạn 2015 – 2019 và định hướng, xác lập kế hoạch kinh doanh dài hạn 2020 - 2025 trình ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II vào năm 2020.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động 2018 và phương hướng kế hoạch năm 2019, xin báo cáo và đề nghị Quý vị cổ đông xem xét thông qua. Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến quý cổ đông, quý khách hàng, các Chủ đầu tư cùng tập thể CBNV và người lao động trong doanh nghiệp đã tin tưởng, gắn bó với Công ty trong những năm vừa qua. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng với sự năng động, tích



3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đại diện HĐQT có tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty để giám sát, kịp thời tham gia chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Xây dựng, thông qua các quy chế, quy định nội bộ giao cho Tổng giám đốc chủ động thực hiện các phương án sử dụng hợp lý, có hiệu quả mọi nguồn lực hiện có của Công ty.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu của Ban Tổng Giám đốc và các cấp điều hành của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ đề ra. Để có được kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể CNLĐ toàn Công ty; với sự nhiệt tình, năng động và thống nhất trong nội bộ, trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc luật pháp, các quyết sách của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban điều hành triển khai kịp thời, thận trọng và chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các hoạt động cung ứng dịch vụ truyền thông và ngành nghề sản xuất kinh doanh mới đều được củng cố, duy trì tốt; tạo được lòng tin và sự hài lòng từ các chủ đầu tư, các đối tác khách hàng và cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo được sự đồng thuận và khí thế phấn khởi trong nội bộ, ra sức thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Việc công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

4. Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: (hưởng lương chuyên trách)
- Thành viên HĐQT: 02 người (hưởng lương chuyên trách)
- Thành viên HĐQT: 02 người x 6.000.000đ x 12 tháng = 144.000.000 đ
- Thư ký Công ty : 01 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ

Tổng số tiền thù lao đã chi cho 02 thành viên HĐQT và Thư ký trong năm 2018 là: **180.000.000 đồng**, bằng 100 % mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2019	Ghi chú
1	- Tổng doanh thu	<i>triệu đồng</i>	71.750,00	
1.1	. Hoạt động công ích	<i>nt</i>	57.250,00	
1.2	. Hoạt động kinh doanh	<i>nt</i>	14.500,00	
2	- Lợi nhuận thực hiện	<i>nt</i>	8.574,00	
3	- Tổng số nộp ngân sách	<i>nt</i>	1.186,00	
4	- Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/VĐL	%	12,00	



cực của Ban điều hành, của các cấp lãnh đạo trong Công ty, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra cho năm 2019. Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 1300113091 - S.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
BẾN TRE
T.P. BẾN TRE - T. BẾN TRE

NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 Fax: (075) 3817 770 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 02 /BC-BKS

Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính thưa: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp,

Thay mặt Ban kiểm soát, kính trình báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.

- Kiểm tra, thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính định kỳ Quý/Năm do Ban Tổng Giám Đốc cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ, quản lý tài sản và trích lập các khoản dự phòng theo quy định.



- Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- Năm 2018, Ban kiểm soát kết hợp với Ban kiểm tra dịch vụ công ích đã thực hiện nhiều cuộc kiểm tra định kỳ/đột xuất tại các đội chuyên quản thực hiện dịch vụ công ích và cùng Xí nghiệp Liên Hợp thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sửa chữa thường xuyên phương tiện vận tải.

- Năm 2018, Ban kiểm soát đã phối hợp với BTGD tiến hành xây dựng tiền lương kế hoạch, thẩm định tiền lương thực hiện của người lao động và tiền lương của viên chức quản lý.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty. Từ đó, phân tích môi trường hoạt động, phát hiện những rủi ro tiềm ẩn để kiến nghị Ban Tổng Giám Đốc các giải pháp phòng ngừa và chủ động kiểm soát.

- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư, khiếu kiện nào của cổ đông có liên quan đến Công ty.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 3 cuộc họp nội bộ Ban kiểm soát. Tại các cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát được mời tham dự nhằm theo dõi diễn biến cuộc họp, nắm bắt tình hình định hướng hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho công tác giám sát theo sát tình hình thực tế đang diễn ra tại Công ty.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của ban kiểm soát năm 2018:

- Thành viên Ban kiểm soát: 2 người x 4.700.000 đ x12 tháng = 112.800.000 đ

- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018 : 112.800.000 đ, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm tài chính 2018



và thống nhất với Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Các Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31/12/2018 và được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành (không có yếu tố ngoại trừ).

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 :

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
Tổng tài sản	58.391.491.389	69.428.197.733
Tài sản ngắn hạn	48.068.653.075	59.137.324.961
Tài sản dài hạn	10.322.838.314	10.290.872.772
Tổng nguồn vốn	58.391.491.389	69.428.197.733
Nợ ngắn hạn	12.231.346.635	22.350.115.219
Nợ dài hạn	1.814.545.455	1.064.545.455
Vốn chủ sở hữu	44.059.274.981	45.784.477.596
Vốn khác	286.324.318	229.059.463

II. NHẬN XÉT HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2018

HĐQT đã triển khai thực hiện 4 cuộc họp, ban hành 10 Nghị quyết, Quyết định nhằm chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018. Các cuộc họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo qui định, đủ các thành viên HĐQT tham gia hoặc được ủy quyền, trong cuộc họp các nội dung đều đạt sự đồng thuận cao.

Căn cứ chủ trương, định hướng của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã lãnh đạo,



chỉ đạo kịp thời các Phòng ban, Đội chuyên quản, Xí nghiệp trong thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban TGD tuân thủ các chính sách, chế độ, quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT Công ty.

Trong quản lý nguồn nhân lực, Ban Tổng Giám Đốc ra quyết định đề bạt bổ nhiệm cán bộ quản lý kịp thời, từng bước phù hợp với năng lực sở trường trình độ chuyên môn tại các Phòng, Đội, Xí nghiệp, đồng thời khích lệ tinh thần vật chất để góp phần cho Công ty phát triển bền vững, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2018:

Năm 2018, Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám, đồng thời khi có yêu cầu cung cấp cũng nhận được các hồ sơ, tài liệu văn bản chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm để phối hợp, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó tham gia ý kiến về các chủ trương chính sách của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc, góp phần thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đề ra, Ban Kiểm soát có kiến nghị như sau:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty.

- Có kế hoạch cụ thể hơn trong công tác triển khai sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, gia tăng các dự án thi công. Đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống đề xuất sáng kiến mới trong kinh doanh.

- Rà soát các quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Trong đó chú trọng: công tác kiểm soát vật tư các công trình, giải pháp thu hồi công nợ để đảm bảo luân chuyển dòng tiền hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.



- Xây dựng kế hoạch chi tiết về tài chính, cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn tự có, trong trường hợp được chỉ định thi công những công trình công ty ứng vốn thi công trước.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp của HĐQT;

Giám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện điều lệ Công ty;

Kiểm tra việc thực hiện chấp hành các quy định, quy chế đã ban hành; Phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

Kiểm tra Báo cáo tài chính quý, năm 2019; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của Công ty;

Trên đây là báo cáo năm 2018 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019.

Trân trọng kính chào.

TM BAN KIỂM SOÁT

TRỊNH VĂN ĐÁU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 20/TTtr-HDQT

Bến Tre, ngày 03 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 (Đã Kiểm toán)

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre: điểm a khoản 1 Điều 15 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 3 năm 2019, (lấy ý kiến bằng văn bản ngày 10/4/2019).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt như sau:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018 (bản tóm tắt) được đính kèm Tài liệu đại hội.

- Toàn văn Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018 được đăng tải tại website công ty: www.congtrinhdothibentre.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN NGỌC TRIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.440.095.523	45.130.951.955
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.036.434.196	12.391.678.861
1.	Tiền	111	V.1	8.020.053.763	2.072.464.772
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.016.380.433	10.319.214.089
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		551.983.493	511.096.263
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	551.983.493	511.096.263
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.372.908.560	27.058.188.871
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.727.093.086	28.110.792.320
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	523.079.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.154.912.254	529.316.131
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(2.032.175.780)	(1.581.919.580)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		3.414.069.257	3.701.761.919
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	3.414.069.257	3.701.761.919
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.064.700.017	1.468.226.041
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	513.807.413	132.516.601
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	550.892.604	1.335.709.440
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.117.561.485	12.748.731.986
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		5.996.991.771	6.681.764.056
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.996.991.771	6.681.764.056
-	- Nguyên giá	222		20.454.437.798	19.663.327.052
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.457.446.027)	(12.981.562.996)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
-	- Nguyên giá	228		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		1.433.562.047	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.433.562.047	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	5.000.000.000	5.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		687.007.667	1.066.967.930
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	687.007.667	1.066.967.930
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		68.557.657.008	57.879.683.941

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		22.818.997.862	14.207.051.171
I.	Nợ ngắn hạn	310		21.754.452.407	12.392.505.716
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.351.355.608	5.257.601.815
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.809.362.720	509.200.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.583.206.052	977.337.982
4.	Phải trả người lao động	314		3.841.215.936	3.272.108.606
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.471.816.227	600.970.270
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.573.992.880	288.645.581
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	250.000.000	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.579.787.466	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.293.715.518	1.486.641.462
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.064.545.455	1.814.545.455
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	1.064.545.455	1.814.545.455
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.738.659.146	43.672.632.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	45.509.599.683	43.386.308.452
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.199.917.848	2.702.769.786
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.309.681.835	4.683.538.666
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		630.184.608	48.921.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.679.497.227	4.634.616.908
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		229.059.463	286.324.318
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.21	229.059.463	286.324.318
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.557.657.008	57.879.683.941

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

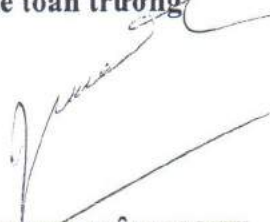
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.362.970.819	66.877.057.646
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	72.362.970.819	66.877.057.646
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.678.411.027	52.156.710.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.684.559.792	14.720.347.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.414.508.556	367.989.222
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	8.544.513.460	7.943.672.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.554.554.888	7.144.663.562
11. Thu nhập khác	31		27.149.459	27.652.274
12. Chi phí khác	32		20.483.658	25.856.493
13. Lợi nhuận khác	40		6.665.801	1.795.781
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.561.220.689	7.146.459.343
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	365.368.990	592.278.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.195.851.699	6.554.180.556
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(VI.6)		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	(VI.6)		

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.561.220.689	7.146.459.343
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.9	1.418.618.176	2.228.608.050
- Các khoản dự phòng	03	V.6&17	2.030.043.666	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.414.508.556)	(349.202.383)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.595.373.975	9.025.865.010
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.980.159.053)	(928.080.558)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		287.692.662	2.589.761.242
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải)	11		6.336.904.479	991.904.293
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.330.549)	1.925.324.592
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.251.734.021)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		106.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.055.797.412)	(887.109.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.288.684.102	10.465.931.287
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.9&10	(2.217.550.093)	(1.865.876.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(551.983.493)	(511.096.263)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		511.096.263	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.873.060.078)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.414.508.556	339.506.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(843.928.767)	(5.910.525.868)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	1.814.545.455
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(500.000.000)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(6.300.000.000)	(3.598.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		(6.800.000.000)	(1.783.934.545)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50		5.644.755.335	2.771.470.874
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	V.1	12.391.678.861	9.620.207.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	V.1	18.036.434.196	12.391.678.861

Người lập biểu



TRẦN THỊ HỒNG MAI

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019



Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.137.324.961	48.068.653.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.874.756.348	14.005.902.427
1. Tiền	111		8.858.375.915	2.141.769.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.016.380.433	11.864.133.384
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		551.983.493	511.096.263
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	551.983.493	511.096.263
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.374.881.955	27.913.181.257
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.260.405.467	28.869.920.921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	523.079.000	73.373.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	623.573.268	551.806.616
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(2.032.175.780)	(1.581.919.580)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.271.003.148	4.169.068.132
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.271.003.148	4.169.068.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.064.700.017	1.469.404.996
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	513.807.413	133.695.556
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	550.892.604	1.335.709.440
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.290.872.772	10.322.838.314
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.055.153.464	9.071.394.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.055.153.464	9.071.394.434
- Nguyên giá	222		23.479.243.275	22.681.009.829
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.424.089.811)	(13.609.615.395)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231		-	-
2. Hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.433.562.047	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.433.562.047	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		802.157.261	1.251.443.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	802.157.261	1.251.443.880
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.428.197.733	58.391.491.389

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.414.660.674	14.045.892.090
I. Nợ ngắn hạn	310		22.350.115.219	12.231.346.635
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.376.420.550	3.914.825.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.809.362.720	649.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.871.787.936	1.100.696.704
4. Phải trả người lao động	314		4.618.014.554	3.752.497.227
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.693.361.827	833.833.681
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch				
7. hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.582.964.080	294.010.487
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	250.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.579.787.466	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.568.416.086	1.686.282.614
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu				
Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.064.545.455	1.814.545.455
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.064.545.455	1.814.545.455
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

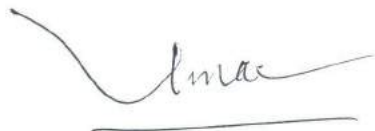
Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.013.537.059	44.345.599.299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	45.784.477.596	44.059.274.981
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.474.795.761	2.833.660.938
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.309.681.835	5.225.614.043
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		630.184.608	48.921.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.679.497.227	5.176.692.285
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		229.059.463	286.324.318
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.19	229.059.463	286.324.318
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.428.197.733	58.391.491.389

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ HỒNG MAI



TRẦN THỊ VÂN NGHI



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số

202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.663.687.874	68.758.040.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.663.687.874	68.758.040.121
4. Giá vốn hàng bán	11		59.191.226.531	51.735.960.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.2	20.472.461.343	17.022.079.209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	295.362.430	425.929.797
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	10.118.195.602	9.240.347.343
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.649.628.171	8.207.661.663
12. Thu nhập khác	31		7.239.059	65.932.274
13. Chi phí khác	32		21.538.074	36.374.993
14. Lợi nhuận khác	40		(14.299.015)	29.557.281
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.635.329.156	8.237.218.944
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	605.610.529	810.430.707
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.029.718.627	7.426.788.237
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		10.029.718.627	7.426.788.237
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.267	1.671
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	2.267	1.671

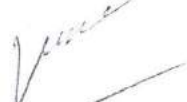
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc







TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.635.329.156	8.237.218.944
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.9	1.757.209.561	2.856.660.449
- Các khoản dự phòng	03		2.030.043.666	-
- Lai, io chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	04		-	-
- giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(295.362.430)	586.732.792
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.127.219.953	11.680.612.185
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.127.140.062)	(1.783.072.944)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(101.935.016)	2.122.455.029
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể				
lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6.996.577.337	579.912.042
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		69.174.762	1.863.268.006
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(218.151.920)	(2.401.734.021)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		127.843.872	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.234.537.412)	(887.109.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.639.051.514	11.174.331.026
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.224.672.793)	(4.883.559.232)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(551.983.493)	(511.096.263)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		511.096.263	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	295.362.430	389.953.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.970.197.593)	(5.004.702.041)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

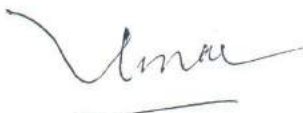
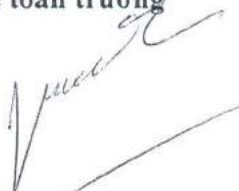
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.814.545.455
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(500.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(6.300.000.000)	(3.598.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.800.000.000)	(1.783.934.545)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.868.853.921	4.385.694.440
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	14.005.902.427	9.620.207.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	18.874.756.348	14.005.902.427

Bến Tre, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGŨ TRUNG KIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 21/TTTr- HDQT

Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 3 năm 2019, (lấy ý kiến bằng văn bản ngày 10/4/2019).

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	KH 2019
1	Vốn điều lệ	Tr/dồng	36.000,00	36.000,00	36.000,00
2	Tổng doanh thu	Tr/dồng	70.000,00	79.966,29	71.750,00
...	Trong đó: Hoạt động tài chính	Tr/dồng	200,00	302,60	200,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr/dồng	8.365,00	10.635,33	8.574,13
4	Lợi nhuận sau thuế (năm 2018)	Tr/dồng	6.633,44	10.029,72	7.387,95
...	Ưu đãi thuế TNDN (năm 2017)	Tr/dồng	-	911,18	-
5	Tổng thu nhập chưa phân phối	Tr/dồng	6.33,44	10.940,90	7.387,95
6	Trích lập các quỹ	Tr/dồng	2.308,80	5.445,65	2.543,42
6.1	- Quỹ Đầu tư phát triển	Tr/dồng	995,02	1.641,14	1.108,19
6.2	- Quỹ đầu tư phát triển bổ sung (*)	Tr/dồng	-	1.800,00	-
6.3	- Quỹ Khen thưởng phúc lợi	Tr/dồng	995,02	1.641,14	1.108,19
6.4	- Quỹ thưởng NQL chuyên trách	Tr/dồng	318,76	363,38	327,03
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	Tr/dồng	4.324,65	5.495,25	4.844,53
8	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	12,01	15,26	13,46
9	Mức chia cổ tức	%	11,00	12,00	12,00
10	Cổ tức chưa chi (2017 = 1,48%)	%	2,49	4,74	6,20

- Quỹ thưởng Người quản lý và Quỹ khen thưởng – phúc lợi cho Người LĐ được trích lập theo Quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (bằng 15% LNTH sau thuế);

(*) Riêng Quỹ đầu tư phát triển: ngoài mức trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (bằng 15% LNTH sau thuế); đề nghị trích bổ sung thêm 1,8 tỷ đồng (# 5% VDL) dùng mua sắm xe máy chuyên dùng (xe tưới công viên – cây xanh). Lý do: Trong 02 năm (2017 – 2018), Công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động trong lĩnh vực XHH về môi trường nhằm khuyến khích đầu tư, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ vệ sinh đô thị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 Fax: (075) 3817 770 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 34 /BC-HĐQT

Bến Tre, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 07/6/2018, Hội đồng quản trị Công ty có Báo cáo số 24/BC-HĐQT: Về Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2017; trong đó có nội dung tiếp tục nghiên cứu và liên hệ để tham gia đầu tư Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, Tp Bến Tre, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành là: 99,9% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả đã thực hiện trong năm 2018 như sau:

Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, Tp Bến Tre: Ngày 13/08/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định số 1657/QĐ-UBND: V/v phê duyệt phương án mời gọi đầu tư dự án xây dựng khu nhà ở tại địa điểm nêu trên với dữ liệu tóm tắt như sau:

- Quy mô dự án: Thuộc nhóm B với tổng diện tích sử dụng đất 3,98 ha; (trong đó: đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật = 35% và đất xây dựng nhà ở = 65%);
- Tổng mức đầu tư (tạm tính): 339,356 tỷ đồng.
- Năng lực tài chính: Vốn chủ sở hữu nhà thầu không thấp hơn 67,9 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2019 – 2023.
- Hình thức giao đất để đầu tư: thông qua phương thức đấu thầu dự án để lựa chọn Nhà đầu tư;

Đề nghị cho chủ trương kết thúc chủ trương đăng ký đầu tư dự án này do UBND tỉnh đã thay đổi chủ trương đầu tư bằng hình thức đấu thầu dự án với tổng mức đầu tư quá lớn, vượt quá khả năng tài chính của Công ty.

Trên đây là kết quả thực hiện nội dung công việc khác được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua. Xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
BẾN TRE
T.P. BẾN TRE - T. BẾN TRE
NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: *HL*/TTr-HĐQT

Bến Tre, ngày *08* tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 2 năm 2019, ngày 13/3/ 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

+ Thù lao HĐQT:

- Thành viên HĐQT: 2 người x 6.000.000đ x12 tháng = 144.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: **180.000.000 đồng**, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

+ Thù lao BKS:

- Thành viên Ban KS: 2 người x 4.700.000 đ x12 tháng = 112.800.000 đ

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: **112.800.000 đồng**, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

+ **Tổng số tiền thù lao HĐQT và BKS đã chi năm 2018 là: 292.800.000 đồng**, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

2. Kế hoạch Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

Tổng số tiền thù lao HĐQT và BKS năm 2019: 292.800.000 đồng

+ Trong đó :

- Thành viên HĐQT : 2 người x 6.000.000đ x12 tháng = 144.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ
- Thành viên Ban KS : 2 người x 4.700.000 đ x12 tháng = 112.800.000 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
BẾN TRE
T.P. BẾN TRE - T. BẾN TRE
NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: *CL*/TTr-BKS

Bến Tre, ngày *28* tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 2 năm 2019, ngày 13/3/2019,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

Đề tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 đạt hiệu quả cao nhất. Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

+ Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là công ty đại chúng và trong 03 công ty sau:

- o Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- o Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
- o Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam

+ Đơn vị kiểm toán phải là đơn vị có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán và chi phí hợp lý.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua,

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRỊNH VĂN ĐÀU

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

TP. Bến Tre, ngày 23 tháng 04 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2019

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 23/04/2019.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 23/04/2019, tại Khách sạn Hàm Luông – 200C, đường Hùng Vương, Phường 5, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Công trình Đô thị Bến Tre được tổ chức với sự tham gia của ... cổ đông sở hữu ... cổ phần chiếm ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Báo cáo Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Báo cáo Kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	KH 2019
1	Vốn điều lệ	Tr/dồng	36.000,00	36.000,00	36.000,00
2	Tổng doanh thu	Tr/dồng	70.000,00	79.966,29	71.750,00
...	Trong đó: Hoạt động tài chính	Tr/dồng	200,00	302,60	200,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr/dồng	8.365,00	10.635,33	8.574,13
4	Lợi nhuận sau thuế (năm 2018)	Tr/dồng	6.633,44	10.029,72	7.387,95
...	Ưu đãi thuế TNDN (năm 2017)	Tr/dồng	-	911,18	-
5	Tổng thu nhập chưa phân phối	Tr/dồng	6.33,44	10.940,90	7.387,95
6	Trích lập các quỹ	Tr/dồng	2.308,80	5.445,65	2.543,42
6.1	- Quỹ Đầu tư phát triển (15%LNST)	Tr/dồng	995,02	1.641,14	1.108,19
6.2	- Quỹ đầu tư phát triển bổ sung (*)	Tr/dồng	-	1.800,00	-
6.3	- Quỹ Khen thưởng phúc lợi (15%LNST)	Tr/dồng	995,02	1.641,14	1.108,19
6.4	- Quỹ thưởng NQL chuyên trách	Tr/dồng	318,76	363,38	327,03
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	Tr/dồng	4.324,65	5.495,25	4.844,53
8	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	12,01	15,26	13,46
9	Mức chia cổ tức	%	11,00	12,00	12,00
10	Cổ tức chưa chi (2017 = 1,48%)	%	2,49	4,74	6,20

- Quỹ thưởng Người quản lý được trích lập theo Quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

(*) Riêng Quỹ đầu tư phát triển: ngoài mức trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; đề nghị trích bổ sung thêm 1,8 tỷ đồng (# 5% VDL) dùng mua sắm xe máy chuyên dùng. Lý do: Trong 02 năm (2017 – 2018), Công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động trong lĩnh vực XHH về môi trường nhằm khuyến khích đầu tư, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ vệ sinh đô thị.

➤ **Tỷ lệ biểu quyết thông qua:** ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2018: Cụ thể việc kết thúc chủ trương đăng ký tham gia đầu tư Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, TP Bến Tre.

➤ **Tỷ lệ biểu quyết thông qua:** ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Tờ trình Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

❖ **Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:**

Thù Lao HĐQT:

- Thành viên HĐQT : 2 người x 6.000.000đ x12 tháng = 144.000.000 đ

- Thư ký HĐQT : 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: **180.000.000 đồng**, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Thù lao BKS:

- TV Ban kiểm soát : 2 người x 4.700.000 đ x12 tháng = 112.800.000 đ

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: **112.800.000 đồng**, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Tổng số tiền thù lao HĐQT & BKS đã chi năm 2018: 292.800.000 đồng, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

❖ **Kế hoạch Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 như sau:**

Tổng số tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2019: 292.800.000 đồng

Trong đó :

- Thành viên HĐQT : 2 người x 6.000.000đ x12 tháng = 144.000.000 đ

- Thư ký HĐQT : 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ

- TV Ban kiểm soát : 2 người x 4.700.000 đ x12 tháng = 112.800.000 đ

➤ **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.**

Nội dung 8: Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

- Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là công ty đại chúng và trong 3 công ty sau:

○ **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt**

○ **Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt**

○ **Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam**

- Đơn vị kiểm toán phải là đơn vị có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán, và chi phí hợp lý.

➤ **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.**

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- *Cổ đông,*
- *HĐQT,*
- *Ban Tổng Giám Đốc,*
- *Thư ký công ty,*
- *UBCKNN, HNX, Website,*
- *Lưu*

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN NGỌC TRIỆU